Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 377 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3181/TTr-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024; Báo cáo thẩm định số 01/BC-HĐTĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng thẩm định quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của 05 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển kinh tế nhanh, bền vững, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại là nhiệm vụ xuyên suốt, trọng tâm. Phát triển kinh tế có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các ngành có lợi thế như: nông nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến nông sản, năng lượng tái tạo, công nghiệp khai thác và chế biến bauxite, alumin, nhôm. Cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng ưu tiên phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của vùng và các quy hoạch cấp trên.

b) Xây dựng nền văn hóa Tây Nguyên tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, tôn trọng các giá trị văn hóa khác biệt giữa các dân tộc, đưa văn hóa Tây Nguyên trở thành động lực, nền tảng cho phát triển và hội nhập của Vùng. Bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa, giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa của các dân tộc đồng bào vùng Tây Nguyên. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; giảm tỷ lệ hộ nghèo, ổn định dân cư, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân, giảm khoảng cách chênh lệch giữa các địa bàn, các dân tộc trong Vùng. Bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe, tiếp cận giáo dục, dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng. Nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển trong bối cảnh mới.

c) Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên rừng, đảm bảo an ninh nguồn nước là yêu cầu cấp bách đối với vùng Tây Nguyên. Chú trọng bảo vệ, phát triển rừng gắn với kinh tế lâm nghiệp và ổn định, nâng cao đời sống, sinh kế của người dân gắn với rừng; bảo vệ môi trường đất để phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả cao đáp ứng xu thế mới. Tăng cường phối hợp quản lý các lưu vực sông, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Bảo đảm an ninh, quốc phòng là nhiệm vụ hàng đầu của Tây Nguyên với cả nước. Củng cố tiềm lực quốc phòng, giữ vững thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Tăng cường xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy cao độ giá trị văn hóa, truyền thống cách mạng, khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường; bảo đảm xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

đ) Tăng cường liên kết với vùng Đông Nam Bộ, các tỉnh khu vực Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ, các cảng biển, các trung tâm kinh tế lớn của cả nước và với các nước trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Công, khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam và các nước ASEAN. Tổ chức không gian hợp lý và tăng cường liên kết các tiểu vùng, các hành lang kinh tế, các vùng động lực phát triển, hệ thống đô thị nông thôn, các khu chức năng; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, lấy phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số làm động lực cho phát triển vùng; trên cơ sở tuân thủ không gian các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu vực an ninh, quốc phòng; phát huy lợi thế và điệu kiện phát triển đặc thù của từng tiểu vùng; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn hệ sinh thái. Phát triển đô thị và các điểm dân cư nông thôn phù hợp với các điều kiện đặc trưng về tự nhiên, bản sắc văn hóa. Ưu tiên bố trí ổn định các điểm dân cư, đất ở, đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với tập quán và phương thức sản xuất mới.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Tây Nguyên là vùng phát triển bền vững, có nền kinh tế xanh, tuần hoàn; hình thành các vùng sản xuất lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả, rau hoa và trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước; hình thành một số khu du lịch chất lượng cao, điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Không gian sinh thái, giàu bản sắc văn hóa. Hệ sinh thái rừng được bảo tồn và phát triển. Kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ, là các nền tảng quan trọng thúc đẩy Tây Nguyên kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, hội nhập kinh tế quốc tế. Bản sắc văn hóa được phát huy và trở thành nền tảng để phát triển. Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Đến năm 2050, một số tỉnh trong vùng thuộc nhóm phát triển khá của cả nước.

3. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Tây Nguyên trở thành vùng phát triển nhanh, bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với các trung tâm chế biến; trở thành điểm đến hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế. Cơ bản hình thành hạ tầng giao thông quan trọng, hạ tầng số. Hệ thống thiết chế văn hóa được nâng cấp; giàu bản sắc văn hóa dân tộc. Giải quyết căn bản vấn đề đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Hệ sinh thái rừng, đa

dạng sinh học được bảo tồn và phát triển; rừng đầu nguồn được bảo vệ; an ninh nguồn nước được bảo đảm. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, duy trì ổn định. Phấn đấu đến năm 2030 vùng Tây Nguyên vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt từ 7 - 7,5%.

+ Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương 5.000 USD.

+ Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 29% trong GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 27%; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 6%; đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP khoảng 39%; tỷ trọng kinh tế số khoảng 25 - 30% GRDP.

+ Tỷ lệ đô thị hoá đạt từ 37% - 41%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới khoảng 85%, trong đó tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khoảng 50%.

- Về xã hội:

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25 - 30%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì giảm 1,0 - 1,5%/năm.

+ Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm.

+ Tỷ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia với giáo dục mầm non khoảng 60%; tiểu học khoảng 65%, trung học cơ sở khoảng 75% và trung học phổ thông khoảng 60%.

+ Số giường bệnh/vạn dân đạt 32 giường; số bác sỹ/vạn dân đạt 11 bác sỹ. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90%.

- Về môi trường:

+ Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 47%.

+ Tỷ lệ sử dụng nước sạch của dân cư đô thị đạt 100%, nước hợp vệ sinh ở nông thôn đạt 98%.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%.

+ Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom xử lý đạt 100%.

+ Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định đạt 95%.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Thực hiện hiệu quả cơ chế điều phối và kết nối phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng; tăng cường thu hút nguồn lực từ bên ngoài, ưu tiên xúc tiến đầu tư và thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng; thu hút các hoạt động chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ nhất là trong các ngành lợi thế nông nghiệp, công nghiệp chế biến.

Chuyển đổi cơ cấu, mô hình phát triển kinh tế vùng theo hướng hiện đại, ưu tiên các ngành công nghiệp khai thác, chế biến bauxite, alumin, nhôm và công nghiệp chế biến gắn với phát triển nông nghiệp hiệu quả cao; khuyến khích hình thành các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, hình thành chuỗi giá trị nông sản để tận dụng cơ hội xuất khẩu; tăng cường chất lượng, hiệu quả của các ngành dịch vụ.

- Có cơ chế chính sách khuyến khích đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Từng bước nâng chất lượng và khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục theo tiêu chuẩn quốc gia, nhất là các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, góp phần thu hẹp khoảng cách và chênh lệch mức sống và thụ hưởng của người dân. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; phát huy bản sắc, vốn sinh thái nhân văn của vùng Tây Nguyên.

- Phát triển kết cấu hạ tầng vùng từng bước đồng bộ, hiện đại. Ưu tiên hoàn thành các công trình hạ tầng kết nối liên vùng, liên tỉnh. Tập trung xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khoa học công nghệ cấp vùng. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thông tin truyền thông và kinh tế số đảm bảo kết nối hiệu quả giữa các trung tâm tổng hợp, logistics, chuyên ngành của vùng với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, các vùng lân cận.

- Phát triển vùng phải kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng an ninh và đối ngoại. Quản lý hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đi đầu trong bảo tồn, phục hồi làm giàu tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên rừng.

2. Các đột phá phát triển

- Đột phá về nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng: Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, thu hút nguồn lực đầu tư các tỉnh trong vùng; ưu tiên cải thiện tiếp cận đất đai; tăng cường xúc tiến đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

- Đột phá xây dựng và thực thi chính sách phát triển vùng: Tập trung nghiên cứu, xây dựng triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù về liên kết, điều phối phát triển vùng; bảo vệ và phát triển rừng; bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các ngành lĩnh vực quan trọng: nông nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Khẩn trương triển khai các cơ chế chính sách đặc thù áp dụng đối với một số địa bàn trọng điểm như thành phố Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk), Khu du lịch quốc gia Măng Đen (tỉnh Kon Tum) và cơ chế chính sách hợp lý trong chia sẻ nguồn nước và lợi ích từ nguồn nước liên vùng.

- Đột phá về phát triển nguồn nhân lực: Tập trung đào tạo và thu hút nhân lực chất lượng cao trong một số lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch thông minh, công nghiệp chế biến công nghệ cao, kinh tế số, năng lượng tái tạo, logistics, tài chính - ngân hàng và dược phẩm. Chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, dân tộc thiểu số, giảm tỉ lệ lao động nông nghiệp trong cơ cấu lao động xã hội nhằm giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn.

- Đột phá về phát triển hạ tầng vùng: Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi toàn vùng tới các cảng biển, cảng hàng không nội địa và quốc tế; nghiên cứu đầu tư, mở mới và đẩy nhanh tiến độ đầu tư một số tuyến đường bộ cao tốc khi có đủ điều kiện; cải tạo tuyến đường tỉnh kết nối với khu vực Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ khi có đủ điều kiện. Tập trung hoàn thành xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, các cảng cạn, trung tâm logistic để thúc đẩy khả năng hấp dẫn và thu hút đầu tư trên địa bàn vùng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÓ LỢI THẾ

1. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

- Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng sản xuất nông nghiệp tập trung áp dụng công nghệ cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng tiểu vùng. Tập trung phát triển các cây trồng chủ lực: cây công nghiệp (như cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè, dâu, bông vải, mía), cây ăn quả (như sầu riêng, bơ, chanh leo, chôm chôm, mít), cây dược liệu, sâm Ngọc Linh, rau, hoa ôn đới gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, tạo ra sản phẩm có thương hiệu. Phát triển các vùng chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thuỷ sản tập trung; thủy sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm).

- Hình thành trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp vùng và hành lang kinh tế; liên kết các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp giữa các địa phương.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng. Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp theo hướng bền vững gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia. Hình thành các khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển kinh tế rừng, khuyến khích trồng rừng sản xuất ở những nơi có điều kiện phù hợp về đất đai, tạo vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến lâm sản; tiếp tục phát triển bền vững các vùng nguyên liệu đảm bảo hiệu quả kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trong khai thác, chế biến lâm sản và các loại lâm sản ngoài gỗ. Phát triển cây dược liệu và các loại lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng; tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ carbon.

2. Ngành công nghiệp

- Ưu tiên phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ, thân thiện môi trường gắn với lợi thế về nguồn nguyên liệu trong vùng. Hình thành các khu, cụm công nghiệp chế biến sâu, cụm liên kết ngành gắn với các đô thị trung tâm và hành lang kinh tế; liên kết hiệu quả với công nghiệp tiểu vùng Trung Trung Bộ, tiểu vùng Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ. Trong đó:

+ Phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxite, alumin và nhôm ở các tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng.

+ Hình thành các khu, cụm công nghiệp chế biến nông lâm sản, thực phẩm quy mô lớn gắn với vùng nguyên liệu ổn định để phát triển sản xuất, có điều kiện xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; tham gia vào chuỗi sản xuất của thị trường thế giới.

- Phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ cho ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến nông lâm sản, khai thác chế biến khoáng sản, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn vùng.

- Phát triển công nghiệp dệt may, da giầy tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai. Phát triển ngành sản xuất lụa tơ tằm, duy trì các cơ sở may, đan, thêu sử dụng nguồn nguyên liệu tại các làng nghề địa phương gắn với du lịch và sản xuất các sản phẩm thủ công xuất khẩu.

- Phát triển công nghiệp hóa chất, dược phẩm, trong đó tập trung sản xuất các sản phẩm từ cao su thiên nhiên, sản xuất nhiên liệu sinh học, sản xuất vật liệu composit. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hóa dược, chiết xuất dược liệu và chế biến thảo dược từ nguyên liệu thiên nhiên tập trung tại các tỉnh Kon Tum, Lâm Đồng, Đắk Nông.

- Ưu tiên phát triển sản xuất phân bón, phân vi sinh tập trung tại các tỉnh Đắk Nông, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk. Thu hút đầu tư có chọn lọc các dự án công nghiệp hóa chất, giảm thiểu sử dụng hóa chất nguy hại, xây dựng lộ trình thay thế sử dụng hóa chất thân thiện với môi trường trong khai thác khoáng sản.

- Phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, điện áp mái) phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; ưu tiên phát triển tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk.

3. Ngành dịch vụ

- Phát triển ngành dịch vụ trong mối quan hệ tương hỗ phát triển với các ngành nông nghiệp, công nghiệp; tập trung phát triển thị trường cung ứng và tiêu thụ trong vùng và ngoài vùng theo các hành lang kết nối vùng và với cảng biển lớn ra các thị trường quốc tế.

- Phát triển thương mại hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, phù hợp với điều kiện đặc thù của thị trường khu vực đô thị, nông thôn. Đẩy mạnh hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa qua biên giới trên cơ sở tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng ở một số cửa khẩu quốc tế chính: Bờ Y (tỉnh Kon Tum), Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai), Đắk Peur (tỉnh Đắk Nông) tạo thuận lợi hóa thương mại tại các khu vực cửa khẩu, chợ biên giới với Lào và Campuchia.

- Phát triển dịch vụ logicstics gắn với các trung tâm, hành lang kinh tế kết nối các hoạt động thương mại trong nội vùng, liên vùng và hỗ trợ phát triển các ngành sản xuất gắn với các thị trường trong nước và quốc tế. Xây dựng các trung tâm thương mại, khu thương mại - dịch vụ, trung tâm hội chợ - triển lãm, trung tâm logistics tại các đô thị lớn, trung tâm vùng, tiểu vùng.

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên, liên kết với các tỉnh vùng Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ, gắn với các hành lang kinh tế, liên kết du lịch giữa năm tỉnh Tây Nguyên một cách toàn diện, đồng bộ.

- Tăng cường kết nối và nâng cao chất lượng dịch vụ trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch đặc thù theo các địa bàn trọng điểm, gắn với di sản không gian văn hóa cồng chiêng, lễ hội truyền thống, văn hóa cà phê và du lịch cộng đồng. Ưu tiên khai thác du lịch gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Phát triển các nhóm sản phẩm chính, sản phẩm du lịch đặc sắc riêng như du lịch tìm hiểu di sản văn hóa các dân tộc, du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh, thể thao mạo hiểm, du lịch trải nghiệm hệ sinh thái và địa chất núi lửa đặc trưng nhằm tăng tính trải nghiệm cho du khách.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, SẮP XẾP TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Các tiểu vùng

a) Tiểu vùng Bắc Tây Nguyên (bao gồm tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum) là khu vực trọng điểm phát triển cây công nghiệp, cây lương thực phục vụ xuất khẩu; đầu mối giao lưu quốc tế, dịch vụ thương mại, công nghiệp của vùng Tây Nguyên; ưu tiên bảo vệ và phát triển rừng, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với các khu du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia. Trong đó:

- Phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, chế biến nông lâm sản; duy trì các công trình thuỷ điện. Tiếp tục phát triển ổn định và nâng cao sản lượng, chất lượng các cây công nghiệp, cây dược liệu theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch, tập trung nghiên cứu hình thành các khu du lịch quy mô lớn như Khu du lịch sinh thái Măng Đen mang tầm cỡ quốc gia, phát triển khu du lịch Biển Hồ - Chư Đăng Ya và các khu du lịch gắn với các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên.

- Nâng cao chất lượng cụm đô thị trung tâm là thành phố Pleiku (trung tâm tiểu vùng) và thành phố Kon Tum; các đô thị hỗ trợ là Auyn Pa, An Khê, Chư Sê, Đắk Đoa (tỉnh Gia Lai), Ngọc Hồi, Đắk Hà, Măng Đen, Đăk Tô (tỉnh Kon Tum).

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y (tỉnh Kon Tum), Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai) và hình thành Trung tâm logistics của vùng tại thành phố Pleiku.

b) Tiểu vùng Trung Tây Nguyên (bao gồm toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Đắk Lắk) là trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ nông nghiệp quốc tế; trung tâm kết nối giao lưu thương mại, dịch vụ, văn hóa, bảo tồn đa dạng sinh học của vùng và khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam. Trong đó:

- Phát triển năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, đặc biệt là sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê. Duy trì phát triển bền vững các công trình thuỷ điện.

- Hình thành vùng sản xuất tập trung nông lâm sản chất lượng cao phục vụ xuất khẩu; ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, theo chuỗi giá trị, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường. Hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Gắn kết nông nghiệp với phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Phát triển du lịch theo hướng chất lượng, bền vững, trong đó tập trung xây dựng nhóm các sản phẩm du lịch độc đáo, có bản sắc riêng trên cơ sở hệ thống tài nguyên nhân văn sinh thái đa dạng, đặc biệt chú trọng xây dựng quảng bá thương hiệu du lịch, xúc tiến thu hút đầu tư vào các khu du lịch. Tăng cường liên kết du lịch với các tỉnh trong vùng và liên vùng.

- Phát triển thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm của vùng; tập trung phát triển các trung tâm thương mại, dịch vụ và trung chuyển hàng hóa, logistics của vùng.

c) Tiểu vùng Nam Tây Nguyên (bao gồm tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông) là trung tâm dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao của cả nước và quốc tế; vùng nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp khai thác, trung tâm đào tạo đa ngành, trung tâm nghiên cứu khoa học của vùng và khu vực; vùng khai thác, chế biến và dự trữ khoáng sản bauxite. Trong đó:

- Ưu tiên bảo tồn rừng cảnh quan, tài nguyên nước, đa dạng sinh học và địa chất của vùng và quốc gia trên địa bàn Tây Nguyên; bảo vệ tài nguyên nước đầu nguồn hệ thống sông Đồng Nai, Sêrêpốk, sông Lũy, sông Cái Phan Rang.

- Đẩy mạnh trồng rừng gắn với công nghiệp chế biến lâm sản; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tập trung phát triển ngành dịch vụ, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, chữa bệnh chất lượng cao gắn với khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa bản địa; công nghiệp khai thác, chế biến bauxite, alumin, công nghiệp chế biến nhôm.

- Phát triển thành phố Đà Lạt là trung tâm tiểu vùng.

2. Cực tăng trưởng

- Thành phố Buôn Ma Thuột là cực tăng trưởng của vùng Tây Nguyên; là trung tâm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dịch vụ logistics, du lịch, văn hóa, giáo dục, y tế của vùng Tây Nguyên. Giữ vai trò kết nối giữa các tiểu vùng, liên kết với vùng Nam Trung Bộ và quốc tế thông qua cửa khẩu Đăk Ruê, các hành lang kinh tế và cảng biển.

- Thành phố Pleiku là cực tăng trưởng của tiểu vùng Bắc Tây Nguyên; đảm nhận chức năng đầu mối về chuyển đổi số, công nghiệp, khoa học công nghệ, du lịch, chăm sóc sức khoẻ, thể dục thể thao. Giữ vai trò liên kết giữa tiểu vùng Bắc Tây Nguyên với vùng Nam Trung Bộ và quốc tế thông qua cửa khẩu Bờ Y, Lệ Thanh, các hành lang kinh tế và cảng biển.

- Thành phố Đà Lạt là cực tăng trưởng của tiểu vùng Nam Tây Nguyên; đảm nhận chức năng trung tâm du lịch của vùng Tây Nguyên và cả nước, đầu mối về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, thể dục thể thao. Giữ vai trò là đầu mối giao thông, cửa ngõ phía Nam của vùng Tây Nguyên kết nối với vùng Đông Nam Bộ và vùng Nam Trung Bộ.

3. Hành lang kinh tế

Phát triển hành lang kinh tế kết nối Tây Nguyên - Đông Nam Bộ và khu vực Nam Trung Bộ, Trung Trung Bộ; bao gồm:

- Hành lang kinh tế theo tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước - Bình Dương) và đường Hồ Chí Minh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, liên kết vùng, gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh; kết nối các vùng nguyên liệu cây công nghiệp, công nghiệp chế biến, liên kết phát triển du lịch "con đường xanh Tây Nguyên", tăng cường tác động lan tỏa của các đô thị trung tâm thuộc vùng.

- Hành lang kinh tế Đông - Tây (hành lang kinh tế Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn) là cửa ngõ ra biển của khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, kết hợp với đoạn Lệ Thanh - Pleiku kết nối các tỉnh Bắc Tây Nguyên với các tỉnh khu vực Nam Trung Bộ và cảng biển; hình thành hành lang công nghiệp, đô thị, du lịch, vận tải liên quốc gia; nghiên cứu xây dựng hành lang Bờ Y - Quảng Nam - Đà Nẵng trong tương lai.

- Hành lang kinh tế Buôn Ma Thuột - Khánh Hòa nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp, đô thị, thương mại - du lịch, nông nghiệp, dịch vụ logistics tạo sức lan tỏa của thành phố Buôn Ma Thuột - đô thị trung tâm của vùng Tây Nguyên.

- Hành lang Dầu Giây - Liên Khương - Nha Trang thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng; phát triển các đô thị trung tâm tăng trưởng cấp vùng và tiểu vùng, các trung tâm chuyên ngành dịch vụ, công nghiệp, du lịch, dịch vụ vận tải, liên kết nội vùng và liên vùng.

- Hành lang Bu Prăng - Gia Nghĩa - Bảo Lộc - Bình Thuận - Ninh Thuận thúc đẩy phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ thương mại - du lịch, nông nghiệp, kết nối khu vực Nam Tây Nguyên (tỉnh Đắk Nông và tỉnh Lâm Đồng) với khu vực duyên hải Nam Trung Bộ (tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận); tạo điều kiện thuận lợi để vận chuyển hàng hóa, quặng bauxit, xuất khẩu nông sản của các tỉnh Tây Nguyên qua cảng biển.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương hướng xây dựng hệ thống đô thị

Phát triển hệ thống đô thị phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, kết cấu hạ tầng đồng bộ, theo hướng xanh, thông minh, gắn với bảo tồn bản sắc văn hoá Tây Nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu; kết nối trong nước và quốc tế thông qua các cảng hàng không, hệ thống quốc lộ và đường cao tốc; đường Hồ Chí Minh và hệ thống các cửa khẩu. Đến năm 2030, vùng Tây Nguyên có 3 đô thị loại I, 3 đô thị loại II, 6 đô thị loại III, 27 đô thị loại IV. Trong đó:

- Phát triển thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên, là "Thành phố cà phê của thế giới" theo hướng xanh, thông minh, mang bản sắc riêng.

- Thành phố Đà Lạt là trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch văn hóa di sản cấp quốc gia, khu vực và quốc tế; trung tâm nghiên cứu ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao cấp quốc gia; trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành cấp quốc gia; trung tâm bảo tồn rừng cảnh quan và đa dạng sinh học; trung tâm văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao và giải trí cấp vùng.

- Thành phố Pleiku là đô thị hạt nhân trong Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, phát triển trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch văn hóa di sản tầm quốc gia và khu vực; trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo và chuyển giao công nghệ đa ngành; bảo tồn rừng cảnh quan và đa dạng sinh học của quốc gia; trung tâm thương mại dịch vụ; văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao và giải trí của vùng.

- Thành phố Gia Nghĩa là đô thị hạt nhân của tiểu vùng Nam Tây Nguyên, liên kết với vùng Đông Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển trở thành thành phố công nghiệp khai thác bauxite, chế biến alumin, nhôm, việc khai thác khoáng sản phải gắn với chế biến hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm yêu cầu về môi trường; trung tâm dịch vụ tổng hợp khu vực và kết nối với tỉnh Lâm Đồng phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu, khám phá, trải nghiệm.

- Phát triển thành phố Kon Tum thành một thành phố hiện đại, sôi động và bền vững với bản sắc riêng; là đầu mối giao thông kết nối tiểu vùng Bắc Tây Nguyên với vùng Trung Trung Bộ, đóng vai trò chiến lược quan trọng về an ninh, quốc phòng và giá trị đặc biệt về kinh tế, chính trị đối với khu vực.

2. Phương hướng phát triển các khu dân cư nông thôn

Tái cấu trúc các khu dân cư nông thôn gắn với các vùng nông nghiệp chuyên canh, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng tiểu vùng sinh thái, đảm bảo an toàn lâu dài và thích ứng biến đổi khí hậu. Bảo tồn các làng truyền thống, các cộng đồng thiểu số. Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm đảm bảo chất lượng sống và điều kiện sản xuất cho người dân, đặc biệt là hạ tầng cấp điện, cấp nước và xử lý chất thải rắn. Phát triển hình thái không gian khu dân cư nông thôn theo hướng tập trung và tăng mật độ dân cư, tiết kiệm đất đai, đảm bảo phù hợp với khả năng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội theo các tiêu chí nông thôn mới; đặc điểm phân bố như sau:

- Khu dân cư đang đô thị hoá gần các đô thị: Phát triển các khu, điểm dân cư gắn với sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chất lượng cao cung cấp các hàng hoá nông sản phục vụ cho đô thị, phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu của người dân đô thị.

- Khu dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất nông nghiệp: Phát triển các khu, điểm dân cư gắn với các dịch vụ hỗ trợ sản xuất theo mô hình hợp tác xã kiểu mới.

- Khu dân cư gần khu vực biên giới: Phát triển các điểm dân cư gắn với ưu tiên nâng cấp hạ tầng kinh tế - xã hội để đảm bảo ổn định cuộc sống người dân, phát triển kinh tế nông lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng.

- Khu dân cư đồng bào dân tộc thiểu số và vùng dân cư gần các khu bảo tồn thiên nhiên: Phát triển các điểm dân cư có đủ các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, đảm bảo sinh kế người dân, góp phần giảm nghèo.

3. Phương hướng phát triển các khu chức năng

a) Khu kinh tế, khu công nghiệp

- Đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Lệ Thanh phù hợp với tiềm năng trao đổi thương mại, trở thành khu vực có vai trò động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên và Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam. Từng bước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Đắk Ruê.

- Phát triển các khu công nghiệp theo hướng bền vững và gắn với hình thành, phát triển các khu công nghiệp chuyên ngành về chế biến nông, lâm sản. Phát triển các khu công nghiệp đi đôi với nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu vực ngoài hàng rào và xây dựng các khu nhà ở cho công nhân đáp ứng nhu cầu về nhà ở, dịch vụ đời sống - văn hóa và điều kiện môi trường cho người lao động.

- Căn cứ nhu cầu đầu tư, quy định về điều kiện thành lập, mở rộng khu kinh tế, khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh xác định phương án phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp trong quy hoạch tỉnh. Diện tích khu kinh tế, khu công nghiệp bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được phân bổ theo pháp luật về đất đai.

b) Khu công nghệ cao

Thu hút đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin theo mô hình tiên tiến trên thế giới.

c) Khu du lịch

- Phát triển các khu du lịch, điểm du lịch cấp quốc gia gắn với việc bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử. Nâng cấp các khu du lịch tiềm năng Măng Đen, Biển Hồ - Chư Đăng Ya, Yok Đôn, hồ Lắk, hồ Tà Đùng gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông thành khu du lịch quốc gia khi đủ điều kiện.

- Phát triển du lịch nghỉ dưỡng kết hợp tham quan cảnh quan sinh thái, trải nghiệm văn hóa bản địa gắn với du lịch cộng đồng, tạo điểm nhấn khác biệt tại các khu du lịch Măng Đen, Biển Hồ - Chư Đăng Ya, Đan Kia - Suối Vàng, Yok Đôn; phát triển du lịch nghỉ dưỡng, khám phá, trải nghiệm, thể thao cao cấp, văn hóa, hội nghị hội thảo tại các khu du lịch hồ Lắk, hồ Tà Đùng.

d) Khu nghiên cứu, đào tạo

- Nghiên cứu đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm, sản xuất giống (cây trồng, vật nuôi) tại Trường Đại học Tây Nguyên và tại các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Nghiên cứu đầu tư xây dựng Trung tâm công nghệ cao, đổi mới sáng tạo tại tỉnh Lâm Đồng.

đ) Khu thể dục, thể thao

Đầu tư xây dựng trung tâm thể dục, thể thao cấp vùng tại thành phố Buôn Ma Thuột; trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại thành phố Đà Lạt.

e) Khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích

Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu các dân tộc Tây Nguyên; chú trọng bảo tồn và phát huy các di sản thế giới, di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, các di sản văn hóa tiêu biểu đặc trưng của vùng và di sản văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp vùng.

g) Khu kinh tế - quốc phòng

- Phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh và thế trận lòng dân vững chắc ở địa bàn biên giới, địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc.

- Đầu tư xây dựng một số công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng. Tiếp tục xây dựng đường tuần tra biên giới kết hợp làm đường dân sinh.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông

Phát triển mạng lưới đường bộ (đường cao tốc, đường quốc lộ), mạng lưới đường sắt; hệ thống cảng hàng không, sân bay; kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và hệ thống cản cạn theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt, trên cơ sở phát huy lợi thế của các phương thức vận tải, bảo đảm kết nối nội vùng và liên vùng, giảm chi phí vận tải.

a) Mạng lưới đường bộ

- Phấn đấu đến năm 2030, nghiên cứu, đầu tư hoàn thành một số tuyến đường bộ cao tốc để thúc đẩy và phát triển các hành lang kinh tế kết nối Tây Nguyên với vùng Đông Nam Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, Trung Trung Bộ và hành lang kinh tế Bắc - Nam phía Tây; cụ thể:

+ Hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (CT.24); Dầu Giây (tỉnh Đồng Nai) - Liên Khương (tỉnh Lâm Đồng) (CT.27); Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông) - Chơn Thành (tỉnh Bình Phước) thuộc tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02).

+ Nghiên cứu đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02) gồm các đoạn tuyến Ngọc Hồi (tỉnh Kon Tum) - Pleiku (tỉnh Gia Lai) - Buôn Ma Thuột (tỉnh Đắk Lắk) - Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông); tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh (CT.20) kết nối với cửa khẩu quốc tế Bờ Y (tỉnh Kon Tum) và bổ sung đầu tư tuyến Quảng Ngãi - Kon Tum giai đoạn trước năm 2030 khi đảm bảo các yêu cầu và điều kiện theo quy định.

- Đến năm 2030, tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ gồm QL14, QL24, QL40, QL40B, QL19, QL25, QL26, QL27, QL28, QL29, QL55, QL20, Trường Sơn Đông khi có đủ điều kiện.

- Nghiên cứu phát triển, hình thành và đầu tư, nâng cấp cải tạo một số tuyến đường kết nối liên vùng các tỉnh thuộc vùng Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ như tuyến đường kết nối khu vực Nam Tây Nguyên với Cảng tổng hợp Cà Ná (tỉnh Ninh Thuận); tuyến đường nối huyện Đức Trọng (tỉnh Lâm Đồng) - Ninh Sơn (tỉnh Ninh Thuận); tuyến Liên Khương (tỉnh Lâm Đồng) - Vĩnh Hảo (tỉnh Bình Thuận) và kết nối nội vùng như ĐT.668 (tỉnh Gia Lai) nối với ĐT.695 (tỉnh Đắk Lắk), tuyến đường nối huyện Krông Nô (tỉnh Đắk Nông) - huyện Krông Na (tỉnh Đắk Lắk) khi có đủ điều kiện phù hợp nhằm tăng cường kết nối đến các đầu mối vận tải, khu công nghiệp, thúc đẩy thương mại giữa các tỉnh trong vùng và liên vùng.

b) Kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa: Bố trí và phát triển cảng, bến thủy nội địa phù hợp, thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Mạng lưới đường sắt: Khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt phục vụ du lịch và từng bước nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Chơn Thành) theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Hệ thống cảng hàng không: Đến năm 2030, phấn đấu thực hiện mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E; Cảng hàng không

Pleiku và Cảng hàng không Buôn Ma Thuột cấp 4C. Nghiên cứu xây dựng sân bay tiềm năng tại tỉnh Kon Tum, Đắk Nông khi đảm bảo các điều kiện theo quy định theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

đ) Hệ thống cảng cạn: Phát triển hệ thống cảng cạn theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; là đầu mối vận tải, trung chuyển, phân phối hàng hóa, kết hợp với cung cấp các dịch vụ logistics, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu, tăng cường năng lực thông qua hàng hóa, giảm chi phí vận tải và thời gian lưu hàng.

2. Phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn điện và lưới điện phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cụ thể:

a) Nguồn điện

- Duy trì phát triển ổn định, bền vững thủy điện; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo; nghiên cứu khả năng cung cấp điện tại chỗ để phát triển ngành luyện kim nhôm.

- Phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng năng lượng tái tạo của vùng; ưu tiên, khuyến khích phát triển điện gió, điện mặt trời tự sản tự tiêu (trong đó có điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, tiêu thụ tại chỗ, không đấu nối hoặc không bán điện vào lưới điện quốc gia).

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư phát triển nguồn điện nhằm tăng cường cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế; liên kết lưới điện với các nước trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Công: thúc đẩy hợp tác, trao đổi điện năng, đảm bảo lợi ích và an toàn hệ thống điện giữa các bên.

b) Lưới điện

- Phát triển hệ thống truyền tải điện đồng bộ với tiến độ các nguồn điện, nhu cầu phát triển phụ tải của các địa phương, sử dụng công nghệ hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn quốc tế, sẵn sàng kết nối khu vực. Phát triển lưới điện thông minh để tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo ở quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống điện an toàn, ổn định và kinh tế.

- Phát triển lưới điện truyền tải điện có dự phòng lâu dài, tăng cường sử dụng cột nhiều mạch, nhiều cấp điện áp đi chung để giảm diện tích chiếm đất.

Khuyến khích xây dựng các trạm biến áp truyền tải kết hợp cung cấp điện cho phụ tải lân cận.

- Xây dựng mới Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi để cấp cho các hộ dân chưa có điện và cải tạo lưới điện nông thôn hiện có. Thực hiện cung cấp điện từ lưới điện quốc gia, kết hợp với cung cấp điện từ nguồn năng lượng tái tạo cho khu vực nông thôn, miền núi.

- Xây dựng hệ thống lưới điện 110kV tạo thành mạch vòng liên kết lưới điện 110kV trong tỉnh và nối giữa các trạm biến áp 220kV nằm giữa hai tỉnh, nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đảm bảo nguồn điện dự phòng trong các trường hợp xảy ra sự cố, đảm bảo cung cấp điện cho các phụ tải thường xuyên, liên tục.

3. Phương hướng phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt

Phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng.

4. Phương hướng phát triển mạng lưới thủy lợi

Phát triển mạng lưới thủy lợi bảo đảm tưới, tiêu, cấp, thoát nước cho các ngành kinh tế phù hợp với Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

- Phát triển mạng lưới thủy lợi theo hướng hiện đại, chủ động cấp, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh; phù hợp với phương án phân vùng và quy hoạch.

- Hoàn thành xây dựng và nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Tập trung sửa chữa nâng cấp các công trình đầu mối, công trình bị hư hỏng, xuống cấp theo hướng hiện đại, đồng bộ để nâng cao hiệu quả phục vụ các công trình thủy lợi hiện có, đảm bảo hoạt động bền vững, đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du đập. Hoàn thiện khép kín hệ thống công trình từ đầu mối đến kênh mương nội đồng.

- Ưu tiên nghiên cứu đầu tư xây dựng các hồ chứa, đập dâng lớn như: hồ Ia Thul (tỉnh Gia Lai), các hồ Krông Năng, Ea Khal (tỉnh Đắk Lắk), hồ Đắk Gang (tỉnh Đắk Nông), hồ Ta Hoét (tỉnh Lâm Đồng); nâng cấp hồ Ayun Hạ (tỉnh Gia Lai), kết hợp nghiên cứu đầu tư, xây dựng hồ chứa, công trình thủy lợi vừa, nhỏ, phân tán, sử dụng nước các hồ chứa thủy điện; cụm Đak Ro - Ia Tun (tỉnh Kon Tum); Ta Hoét, Đông Thanh, Ka Zam (tỉnh Lâm Đồng).

- Xây dựng các hệ thống kết nối, điều hòa nguồn nước

+ Hệ thống kết nối nguồn nước Đăk Akôi - Đăk Pô Kei: Đầu tư xây dựng và kết hợp với việc nâng cao dung tích hồ Đăk Pô Kei khi có nguồn nước bổ sung, kết hợp cấp nước sinh hoạt cho thành phố Kon Tum.

+ Hệ thống kết nối nguồn nước Thượng Ayun - Đăk PTó từ đập dâng trên sông Ayun đến hồ Đăk PTó để tích trữ sau khi có nguồn nước bổ sung, cấp nước tưới, kết hợp cấp nước sinh hoạt cho người dân trong vùng.

- Vận hành, sử dụng hồ chứa thủy điện, thủy lợi phục vụ cấp nước, phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng. Chỉnh trị, nạo vét mở rộng mặt cắt, xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông; nghiên cứu, đầu tư giải pháp phòng chống lũ, ngập lụt đối với các vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt như vùng Ayun Pa lưu vực sông Ba, vùng Lắk Buôn Trấp, Ea Súp lưu vực sông Srêpốk; hệ thống cảnh báo, công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao.

5. Phương hướng phát triển mạng lưới cấp nước

a) Phân vùng cấp nước

Tổ chức phân vùng cấp nước tại lưu vực các sông Sê San, sông Ba, sông Srêpôk, sông Đồng Nai và phụ cận; khai thác, sử dụng nguồn nước phù hợp với phân vùng chức năng nguồn nước và định hướng ưu tiên phân bổ trong các trường hợp bình thường và trường hợp hạn hán, thiếu nước; từng bước thay thế nguồn nước ngầm bằng nguồn nước mặt.

b) Nguồn nước

- Khai thác, sử dụng nguồn nước phù hợp với phân vùng chức năng nguồn nước và định hướng ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường, trường hợp hạn hán, thiếu nước.

- Từng bước thay thế nguồn nước ngầm bằng nguồn nước mặt. Nguồn nước ngầm cũng như các nhà máy sử dụng nước ngầm sẽ được chuyển đổi thành nguồn dự trữ để tăng an toàn cấp nước.

c) Hệ thống cấp nước

- Nghiên cứu các giải pháp nâng công suất các nhà máy nước hiện hữu, xây dựng các nhà máy mới tại các khu vực khó khăn về nước sạch trên địa bàn từng tỉnh. Đảm bảo phát huy tối đa khả năng phục vụ của toàn hệ thống và bố trí các trạm bơm tăng áp trên các tuyến ống truyền tải liên tỉnh, bảo đảm truyền dẫn nước đủ lưu lượng tới các điểm đấu nối với tuyến ống phân phối cấp nước cho địa phương; vị trí, quy mô, công suất nhà máy nước, trạm bơm tăng áp được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư.

- Đối với khu vực nông thôn, xây dựng các hệ thống tập trung quy mô nhỏ, nguồn nước suối hoặc giếng tại các khu vực dân cư tập trung. Sử dụng nước ngầm mạch nông và trữ nước mưa tại các khu vực dân cư rải rác. Xây dựng hệ thống cấp nước cục bộ lấy nguồn nước ngầm hoặc nước mặt phù hợp, đảm bảo khai thác sử dụng hợp lý tại các khu vực xa khu dân cư tập trung.

6. Phương hướng phát triển mạng lưới thoát nước, xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng tại các đô thị mới bảo đảm theo đúng tiêu chuẩn thiết kế; đối với khu vực đô thị cũ, từng bước tách riêng nước mưa và nước thải. Nước thải sẽ được thu gom và đưa về các trạm xử lý nước thải đô thị.

- Xây dựng các công trình xử lý nước thải phân tán cho các điểm dân cư nông thôn theo hướng làm sạch bằng phương pháp tự nhiên, đáp ứng tiêu chuẩn về môi trường; các khu dân cư tập trung theo tuyến, nước thải được xử lý theo từng hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp hữu cơ bằng công nghệ sinh học, đảm bảo hạn chế phát sinh mùi hôi thối và không để chảy tràn ra môi trường, gây hại cho môi trường.

- Cải tạo, nạo vét mở rộng kênh mương và xây dựng hồ điều hoà trong các khu vực nội thành; cải tạo, tăng cường nạo vét khơi thông dòng chảy của các kênh, mương, sông, suối.

- Hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn vùng, đáp ứng tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

7. Phương hướng phát triển khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn thông thường: Việc thu gom và xử lý chất thải rắn thực hiện theo phạm vi từng tỉnh.

- Chất thải nguy hại: nghiên cứu xây dựng các khu xử lý chất thải phục vụ cho phạm vi tỉnh (các tỉnh có các khu liên hợp xử lý chất thải phục vụ trong phạm vi tỉnh, trong các khu liên hợp xử lý chất thải có 1 khu xử lý chất thải nguy hại), đảm bảo phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chất thải được xử lý bằng biện pháp tái chế, sản xuất phân vi sinh; chôn lấp hợp vệ sinh và các công nghệ hiện đại.

- Khuyến khích phát triển sản xuất năng lượng từ chất thải rắn, giảm thiểu tối đa việc chôn lấp để tránh gây ô nhiễm.

8. Phương hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đáp ứng thông tin liên lạc liên tục phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tập trung thực hiện 3 trụ cột của chuyển đổi số gồm chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; đảm bảo tính đồng bộ, liên kết chặt chẽ, thống nhất, hiện đại trên cơ sở ứng dụng công nghệ số tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Triển khai xây dựng Trung tâm giám sát và điều hành đô thị thông minh (IOC), quản lý và xử lý tập trung, đa nhiệm để kết nối và phân tích dữ liệu liên ngành, thiết bị đầu cuối IoT.

- Tổ chức các cơ quan báo chí trong vùng theo hướng hội tụ, đa phương tiện, đa nền tảng. Phân bố hợp lý, hình thành mạng lưới cơ sở phát hành xuất bản phẩm đến cấp huyện, xã. Sử dụng các nền tảng công nghệ số tương tác với người dân, bảo đảm cung cấp thông tin và người dân được tiếp cận thông tin.

9. Phương hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Nâng cấp, đầu tư xây dựng cơ sở phòng cháy chữa cháy theo Quy hoạch hạ tầng phòng cháy chữa cháy thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nghiên cứu, xây dựng trung tâm phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn tại tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai để hỗ trợ các địa phương trong vùng, giáp ranh khi có yêu cầu; xây dựng các trung tâm giáo dục cộng đồng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các tỉnh.

10. Hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền

- Phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trong vùng nhằm thúc đẩy, mở rộng hợp tác đầu tư, kinh doanh qua biên giới, phát triển thương mại, xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ qua cửa khẩu; đẩy mạnh hợp tác phát triển trong khuôn khổ hành lang kinh tế và Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam kết hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh, phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị và ngoại giao với các nước, gắn kết với định hướng theo các hành lang kinh tế.

- Tập trung xây dựng, nâng cấp, phát triển các cửa khẩu biên giới đất liền tại Bờ Y (tỉnh Kon Tum), Lệ Thanh (tỉnh Gia Lai), Đắk Peur (tỉnh Đắk Nông) có cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương, hợp tác.

VIII. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe

- Xây dựng mạng lưới cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng; y tế chuyên sâu đồng bộ và cân đối với y tế cộng đồng; gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại, quân y và dân y và phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đầu tư phát triển năng lực khám, chữa bệnh đạt trình độ cao cho bệnh viện đa khoa cấp tỉnh đảm nhận chức năng vùng và đầu tư xây dựng Bệnh viện Trung ương Tây Nguyên tại tỉnh Đắk Lắk. Hình thành trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh cấp vùng.

- Nâng cấp các bệnh viện đa khoa tại các đô thị tỉnh lỵ nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc bệnh viện có chất lượng và toàn diện ngay trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên nghiên cứu, đầu tư các bệnh viện đa khoa; trung tâm chăm sóc sức khoẻ để hình thành sản phẩm du lịch chăm sóc sức khoẻ, chữa bệnh tại thành phố Đà Lạt (tỉnh Lâm Đồng); bệnh viện đa khoa quốc tế tại thành phố Pleiku (tỉnh Gia Lai) đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

- Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh. Đầu tư phát triển Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên đảm nhận chức năng Trung tâm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh khu vực (CDC khu vực).

- Phát triển Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tại tỉnh Đắk Lắk; Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên, Bệnh viện Quân y 211, Bệnh viện Quân y 15 (tỉnh Gia Lai) đảm nhận vai trò hỗ trợ các tỉnh khác trong vùng.

- Khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo

- Nâng cao chất lượng, mở rộng và phân bố hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, đáp ứng nhu cầu xã hội về tiếp cận dịch vụ giáo dục. Phát triển, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng nhằm thực hiện công tác xóa mù chữ, công tác bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm công bằng trong giáo dục.

- Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo để người khuyết tật được công bằng tiếp cận, thuận lợi về mặt địa lý, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW và phù hợp với chủ trương xã hội hóa giáo dục. Liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trong từng tỉnh, giữa các vùng và cả nước trong công tác giáo dục trẻ khuyết tật. Phấn đấu 100% các tỉnh trong vùng có ít nhất 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoặc 01 cơ sở giáo dục chuyên biệt công lập do tỉnh, thành phố quản lý.

- Phát triển đồng bộ mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển bền vững; đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Xây dựng các trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt; mở rộng quy mô các trường đại học, cao đẳng. Trong đó:

+ Tập trung phát triển giáo dục đại học với các ngành trọng điểm để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, sản xuất, chế biến, bảo quản và phân phối sản phẩm lâm nghiệp; phát triển kinh tế rừng; phát triển năng lượng tái tạo, du lịch đặc thù vùng Tây Nguyên.

+ Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất trường Đại học Tây Nguyên trở thành trung tâm, động lực phát triển giáo dục đại học cho vùng. Ưu tiên đầu tư xây dựng các trường đại học tại tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Lâm Đồng, trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của tỉnh và vùng Tây Nguyên.

+ Nâng cao năng lực đào tạo của Trường Đại học Y dược Buôn Ma Thuột; nâng cấp Khoa Y của Trường Đại học Tây Nguyên; xây dựng Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng thành trường trọng điểm khu vực Tây Nguyên trong đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh có quy mô phù hợp với nhiệm vụ đào tạo theo từng địa bàn nhằm củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân.

3. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất để phát triển Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng thành trường trọng điểm khu vực Tây Nguyên trong đào

tạo giáo dục nghề nghiệp; Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk thành trường Đại học Văn hóa, nghệ thuật Tây Nguyên.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng các trường cao đẳng chất lượng cao; nghiên cứu đầu tư xây dựng 01 trung tâm thực hành của vùng tại tỉnh Đắk Lắk.

- Sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập vào trường cao đẳng công lập; sáp nhập các trường cao đẳng công lập trên cùng địa bàn có đa số các ngành, nghề đào tạo trùng nhau; không hình thành các trường trung cấp công lập mới.

- Mở rộng các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại đô thị loại I, loại II trực thuộc tỉnh theo hướng chú trọng các ngành về y tế, kỹ thuật, công nghệ phục vụ phát triển các ngành có lợi thế của vùng về kinh tế nông nghiệp, công nghiệp chế biến, năng lượng, dịch vụ và công nghệ thông tin.

- Hoàn thành sáp nhập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục hướng nghiệp, trung tâm dạy nghề thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn cấp huyện. Nâng cao số lượng, chất lượng các trung tâm giáo dục nghề nghiệp trở có kết nối, hợp tác với các doanh nghiệp.

4. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội

- Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ công về trợ giúp xã hội tại cơ sở của các nhóm đối tượng thuộc diện bảo trợ xã hội. Từng bước hiện đại hóa các cơ sở trợ giúp xã hội, bảo đảm cung cấp dịch vụ về trợ giúp xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia và tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế.

- Bảo đảm mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công đủ năng lực để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công theo quy định của Chính phủ.

5. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở khoa học và công nghệ

- Hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo trên cơ sở liên kết các tổ chức khoa học và công nghệ với các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm tài chính, trường đại học, viện nghiên cứu. Nghiên cứu đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Đà Lạt, Trung tâm Nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi tại thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp tại các trung tâm đầu mối về nông nghiệp. Chú trọng liên kết giữa các cơ sở giáo dục - đào tạo, cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp và gắn kết với thị trường lao động để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Nâng cấp trang thiết bị, cơ sở vật chất và đầu tư xây dựng nhằm bảo đảm mỗi tỉnh có ít nhất 01 tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin và thống kê khoa học và công nghệ và các nhiệm vụ sự nghiệp lĩnh vực khoa học, công nghệ được giao trên địa bàn tỉnh. Củng cố, phát triển các tổ chức nghiên cứu kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển các tỉnh.

- Thúc đẩy hình thành và đầu tư nâng cao năng lực đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với các sản phẩm nông lâm nghiệp, chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp và du lịch. Ưu tiên đầu tư cho các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện vai trò gắn kết các chuỗi giá trị, cụm liên ngành, các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

6. Phương hướng phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp vùng đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao của các tầng lớp nhân dân trong vùng. Đầu tư các công trình văn hóa, thể thao trọng điểm. Phát triển các trung tâm thể thao, nhà thi đấu hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao.

- Nâng cấp, cải tạo và hoàn thiện hệ tống các bảo tàng chi nhánh của Bảo tàng Hồ Chí Minh, bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam, bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa thư viện công cộng cấp tỉnh thành thư viện trung tâm của tỉnh theo hướng hiện đại, tiến tới hình thành hệ thống thư viện vùng Tây Nguyên; kiện toàn, cùng cố hệ thống thư viện công cộng các cấp, thư viện trường học và phát triển hệ thống thư viện lực lượng vũ trang nhân dân, thư viện đại học trên địa bàn.

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng và duy trì tốt hoạt động của các trung tâm văn hóa, sinh hoạt cộng đồng từ cấp tỉnh tới buôn, làng; phấn đấu đến năm 2030, 100% địa phương trong vùng có đủ trung tâm văn hóa. Tiếp tục duy trì và xây dựng không gian công cộng trong buôn, làng dành cho hoạt động văn hóa cộng đồng gắn với nhà Rông, nhà dài, lễ hội cồng chiêng.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư vào các dự án văn hóa, thể thao; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng nhằm phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa, thể thao.

7. Về hạ tầng thương mại và logistics

- Tập trung cải tạo, nâng cấp, xây dựng các chợ đầu mối mới để phục vụ cho sự phát triển của các đô thị lớn, các khu kinh tế, khu công nghiệp trong tỉnh, trong vùng. Xem xét chuyển đổi các chợ tại các trung tâm đô thị lớn thành Trung tâm thương mại, siêu thị bên cạnh việc củng cố, nâng cấp và bảo tồn chợ truyền thống để phát triển du lịch.

- Phát triển các loại hình kho hàng hóa, kho ngoại quan và trung tâm phân phối, trung tâm logistics tại các tiểu vùng đảm bảo tính hiệu quả, tránh lãng phí trong đầu tư và phù hợp với các quy hoạch có liên quan.

IX. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương hướng liên kết bảo vệ môi trường

- Bảo vệ môi trường phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu theo hướng tích hợp các hành động gồm quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường (nước, đất và không khí), thiết lập hệ thống giám sát chất lượng môi trường theo thời gian thực, chuyển đổi sản xuất năng lượng theo hướng thân thiện với môi trường và sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; bảo vệ, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng; đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao hiệu quả tổng hợp sử dụng đầu vào, đầu ra của các quá trình sản xuất. Bảo vệ môi trường theo hướng tích hợp các hoạt động gồm quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thiết lập hệ thống giám sát chất lượng môi trường. Cải thiện chất lượng không khí bằng chuyển đổi dần sản xuất năng lượng theo hướng thân thiện với môi trường.

- Tăng cường liên kết trong thiết lập, quản lý hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh Ngọc Linh (Quảng Nam - Kon Tum), Kon Ka King - Kon Chư Rang (tỉnh Gia Lai) và các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học nhằm giảm thiểu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, vật nuôi nguy cấp, quý, hiếm. Kiểm soát và giảm thiểu các mối đe dọa đến đa dạng sinh học; nâng cao độ che phủ rừng, phòng ngừa, ngăn chặn xâm hại rừng và khai thác trái phép.

- Đầu tư hệ thống quản lý chất thải rắn đồng bộ, bao gồm xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn; công tác thu gom, vận chuyển trên cơ sở công nghệ phù hợp. Tăng cường liên kết trong quản lý chất thải nguy hại. Ưu tiên xây dựng các cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung vùng tỉnh, vùng liên tỉnh, bảo đảm quản lý vận hành ổn định, hiệu quả.

2. Phương hướng xác lập các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh

- Tiếp tục bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt 15 khu bảo tồn thiên nhiên hiện có.

- Mở rộng hệ thống, thành lập mới các khu bảo tồn thiên nhiên; mở rộng hệ thống các khu di sản thiên nhiên được các tổ chức quốc tế công nhận:

+ Thành lập mới 04 khu vực đa dạng sinh học cao theo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm khu vực đa dạng sinh học cao rừng kín thường xanh nhiệt đới Bình Định - Phú Yên trên địa bàn tỉnh Gia Lai, rừng kín thường xanh á nhiệt đới Phú Yên - Khánh Hòa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, rừng kín thường xanh nhiệt đới Lâm Đồng và rừng kín thường xanh nhiệt đới Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

+ Thành lập mới 02 vùng đất ngập nước quan trọng trong thời kỳ 2021 - 2030 gồm đất ngập nước quan trọng gồm hồ Đồng Nai 3 (tỉnh Đắk Nông) và Plei Krông (tỉnh Kon Tum).

+ Thành lập mới 04 khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng gồm khu dự trữ sinh quyển thế giới cao nguyên Kon Hà Nừng (tỉnh Gia Lai), công viên địa chất Đắk Nông (tỉnh Đắk Nông), khu dự trữ sinh quyển thế giới Langbiang (tỉnh Lâm Đồng) và vùng núi cao Ngọc Linh (tỉnh Kon Tum).

+ Thành lập mới 11 khu bảo tồn, 4 khu dự trữ thiên nhiên, 05 khu bảo tồn loài-sinh cảnh và 02 khu bảo vệ cảnh quan. Chuyển hạng 01 khu dự trữ thiên nhiên thành Vườn quốc gia.

3. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Xây dựng hệ thống kết nối, điều hòa nguồn nước như hệ thống kết nối nguồn nước đập dâng thượng Ayun - hồ Đăk P'tó; hệ thống Đăk Akôi - Đăk Pokei - Đăk Pokei B; nghiên cứu xây dựng các tuyến chuyển nước để phục vụ cấp nước tưới và sinh hoạt.

- Vận hành, sử dụng hồ chứa thủy điện, thủy lợi phục vụ cấp nước, phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng. Chỉnh trị, nạo vét mở rộng mặt cắt, xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông bảo vệ các thành phố, đô thị, khu dân cư và sản xuất. Nghiên cứu, đầu tư giải pháp phòng chống lũ, ngập lụt đối với các vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt như vùng Ayun Pa lưu vực sông Ba, vùng Lắk Buôn Trấp, Ea Súp lưu vực sông Srêpốk; hệ thống cảnh báo, công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất tại một số khu vực có nguy cơ cao.

4. Phương hướng phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất liên tỉnh và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Chú trọng phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm yêu cầu phòng hộ hệ thống các sông lớn, các hồ, đập quan trọng; duy trì, mở rộng hệ thống rừng đặc dụng; ổn định và bổ sung diện tích rừng sản xuất để cung ứng nguyên liệu phục vụ chế biến, xuất khẩu.

- Tiến hành khoanh nuôi tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp với trồng bổ sung làm giàu rừng; cải tạo trồng rừng thay thế đối với các diện tích rừng nghèo kiệt, kém chất lượng, có chính sách phù hợp phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng.

- Tiếp tục bảo tồn các hệ sinh thái rừng và nguồn gen động thực vật rừng quý hiếm trong các khu rừng đặc dụng; tập trung xây dựng, củng cố các khu rừng phòng hộ nguồn theo các bậc thang thủy điện trên sông Srêpốk, sông Ba. Phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn các hệ thống sông, rừng đặc dụng, bảo tồn đa dạng sinh học, dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Tiếp tục duy trì hệ thống đường lâm nghiệp hiện có. Tập trung xây dựng mới hệ thống đường lâm nghiệp, ưu tiên khu vực vùng sâu, xa, điều kiện khó khăn, những vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung; phát huy hiệu quả vai trò của hệ thống đường lâm nghiệp kết hợp đường tuần tra, bảo vệ rừng.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp cho các lực lượng, hộ gia đình, người dân, cộng đồng trong quản lý, bảo vệ rừng; chính sách tái định canh, định cư, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số sống trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

5. Cơ chế phối hợp thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; quản lý và bảo vệ môi trường

a) Cơ chế phối hợp thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn theo quy định của Luật Khoáng sản đối với công tác quản lý nhà nước đối với cát, sỏi lòng sông; bảo vệ lòng, bờ, bãi sông; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan có chung ranh giới hành chính là các dòng sông trong việc quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm, cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông; xây dựng, ban hành quy chế phối hợp trong quản lý cát, sỏi lòng sông, kiểm tra, xử lý vi phạm tại khu vực giáp ranh và tổ chức thực hiện quy chế trên địa bàn địa phương sau khi ban hành.

- Đẩy mạnh phối hợp giữa các tỉnh ở khu vực thượng nguồn và hạ nguồn trong công tác xử lý nước thải. Thực hiện cải tạo, phục hồi các dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm, cạn kiệt, nhất là hệ thống sông liên tỉnh.

- Tăng cường phối hợp trong ứng dụng công nghệ tiên tiến và huy động, sử dụng nguồn lực khoa học và công nghệ bảo vệ môi trường.

- Tăng cường hợp tác quốc tế để quản lý bền vững việc sử dụng nguồn nước, hạn chế quá trình suy giảm bùn cát; thực hiện hiệu quả Hiệp định Hợp tác phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công.

- Quản lý, bảo trì tốt các công trình bảo vệ bờ, khắc phục kịp thời các điểm, vị trí hư hỏng, sạt lở trước mùa mưa lũ. Xây dựng công trình, các dự án liên quan đến phòng chống sạt lở bờ sông và cơ sở dữ liệu phòng chống sạt lở.

b) Phối hợp thực hiện các biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường

- Tổ chức thực hiện phân vùng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải rắn, nguy hại, quan trắc và cảnh báo môi trường.

- Ngăn chặn các hoạt động phát thải gây hại đến môi trường trong vùng và liên vùng; đặc biệt chú trọng đến các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải; phân luồng các dự án đầu tư mới theo mức độ tác động đến môi trường ngay từ khi phê duyệt chủ trương đầu tư để kiểm soát trong suốt vòng đời hoạt động; kiểm soát ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua giấy phép môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường, khả năng chịu tải môi trường và quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải rắn, nguy hại, quan trắc và cảnh báo môi trường; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, quản lý chất thải rắn, nguy hại, quan trắc và cảnh báo môi trường.

- Nâng cao hiệu quả phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tác động môi trường thông qua việc đánh giá sơ bộ tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, quan trắc và cảnh báo môi trường.

- Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; quản lý chất thải rắn, nguy hại, nhất là địa bàn giáp ranh để ngăn chặn các vụ xả thải gây ô nhiễm môi trường vùng.

X. PHƯƠNG HƯỚNG KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, LƯU VỰC SÔNG TRÊN LÃNH THỔ VÙNG

1. Định hướng phân vùng chức năng của nguồn nước

- Chuyển từ phương thức đáp ứng nhu cầu sang chủ động quản lý nhu cầu, phân bổ dựa trên khả năng của nguồn nước.

- Ưu tiên phân vùng chức năng nguồn nước hiện đang được sử dụng cho các mục đích chính bao gồm: sinh hoạt cho người dân, cấp nước tưới nông nghiệp, thương mại - dịch vụ và sản xuất công nghiệp, thủy điện.

- Nguồn nước dưới đất được sử dụng cho các mục đích cấp nước cho sinh hoạt, nông nghiệp (phục vụ cây lâu năm chủ yếu là cà phê, hồ tiêu), sản xuất công nghiệp nhẹ phù hợp với khả năng của nguồn nước; hạn chế khai thác sử dụng nguồn nước dưới đất tại các khu vực bị sụt lún đất.

- Các lưu vực sông vùng Tây Nguyên được chia vùng: Vùng I (Thượng lưu vực sông Sê San và phụ cận), Vùng II (Thượng lưu vực sông Ba và phụ cận), Vùng III (Thượng lưu vực sông Sêrêpôk và phụ cận), Vùng IV (Thượng lưu vực sông Đồng Nai và phụ cận), đảm bảo cấp nước chính cho sinh hoạt và nông nghiệp, thủy điện. Đặc biệt, vùng IV bổ sung chức năng chuyển nước cho một số tỉnh của các vùng lân cận như Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

2. Định hướng ưu tiên phân bổ nguồn nước và định hướng nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt

- Kiểm soát chặt chẽ việc điều tiết cấp nước cho hạ du của các hồ chứa lớn, quan trọng như Thượng Kon Tum, Plei Krông, Ia Ly, Sê San 4 và Sê San 4A, Buôn Tua Srah, Krông Buk hạ, Buôn Kốp, Srêpôk 3, Srêpôk 4, Srêpôk 4A đồng thời nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ tham gia điều tiết giảm lũ, cấp nước cho hạ du, bao gồm cả việc xem xét sử dụng một phần dung tích chết của một số hồ chứa trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước, đặc biệt là các hồ thủy lợi vừa và nhỏ trên các dòng nhánh.

- Nâng cao năng lực vận hành điều tiết các công trình hồ chứa trên sông Đồng Nai như Đơn Dương, Đại Ninh, Đồng Nai 2, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, Đăk R'Tih thuộc khu vực tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông để đảm bảo việc cấp nước, phòng chống lũ cho hạ du thuộc các tỉnh vùng Đông Nam Bộ.

- Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển nước từ hồ Đại Ninh chuyển sang lưu vực sông Lũy (tỉnh Bình Thuận) và hồ Đơn Dương chuyển sang lưu vực sông Cái (tỉnh Ninh Thuận). Phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt thượng lưu sông Đồng Nai phía sau hồ Đơn Dương và Đại Ninh thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Nước dưới đất là nguồn cung cấp chính cho các mục đích như sinh hoạt, tưới cây công nghiệp, cần phải được bảo vệ, phục hồi và khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững, đặc biệt là các vùng, khu vực khó tiếp cận nguồn nước mặt.

- Tăng cường điều tra, tìm kiếm nguồn nước dưới đất phục vụ cấp nước sinh hoạt ở những vùng thường xuyên hạn hán, thiếu nước như Krông Pắc, Cư M'Gar, Buôn Đôn thuộc tỉnh Đắk Lắk; Đăk Mil, Đăk G'Long, Tuy Đức thuộc tỉnh Đắk Nông; Chư Sê, Mang Yang, Đak Đoa, Ia Pa, thuộc tỉnh Gia Lai; Kon Plông, Đăk Tô, Sa Thầy, Tu Mơ Rông thuộc tỉnh Kon Tum.

- Duy trì, bảo vệ diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng và khôi phục diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn bị suy thoái để bảo vệ nguồn sinh thủy trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên.

- Nghiên cứu, áp dụng, triển khai các giải pháp tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp, cây công nghiệp; nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu sản xuất, mùa vụ theo hướng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng, giá trị và giá trị gia tăng cao, phù hợp với khả năng nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nước của hệ thống các công trình cấp nước cho các mục đích như sinh hoạt, nông nghiệp.

- Đảm bảo số lượng, chất lượng đáp ứng hệ sinh thái thủy sinh, lễ hội văn hóa gắn với nguồn nước, đặc biệt là khu du lịch Bản Đôn và các thác nước có ý nghĩa trong du lịch.

- Rà soát, đánh giá việc điều hòa, phân phối dòng chảy hạ lưu sông Sê San, Srêpôk phía Campuchia để đảm bảo phù hợp với năng lực các hồ chứa, điều kiện nguồn nước và thực trạng yêu cầu sử dụng nước hạ lưu sông Sê San, Srêpôk phía Campuchia đảm bảo hài hòa lợi ích quốc gia có chung nguồn nước và thỏa thuận quốc tế.

3. Định hướng hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; định hướng công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước

- Tăng cường quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông theo các Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phát triển hệ thống quan trắc môi trường nước tự động trực tuyến và trạm quan trắc thủy văn trên toàn vùng; đảm bảo tham vấn liên tỉnh trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng và các địa phương trong vùng Tây Nguyên.

- Đối với các công trình điều tiết, khai thác sử dụng nguồn nước:

+ Lưu vực sông Ba: Kiểm soát chặt chẽ việc điều tiết cấp nước cho hạ du của các hồ chứa lớn như An Khê - Kanak, Ayun Hạ, Đắk Srông 2, sông Hinh, Krông H'năng và sông Ba Hạ; đồng thời, nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ tham gia điều tiết giảm lũ, cấp nước cho hạ du.

+ Lưu vực sông Sê San: Rà soát, đánh giá tổng thể việc điều hòa, phân phối dòng chảy phía hạ lưu sông Sê San phía Campuchia để đảm bảo phù hợp với năng lực các hồ chứa, điều kiện nguồn nước và thực trạng yêu cầu sử dụng nước hạ lưu sông Sê San phía Campuchia đảm bảo hài hòa lợi ích quốc gia có chung nguồn nước và thỏa thuận quốc tế. Kiểm soát chặt chẽ việc điều tiết cấp nước cho hạ du của các hồ chứa lớn, quan trọng như Thượng Kon Tum, Plei Krông,

Ia Ly, Sê San 4 và Sê San 4A, đồng thời nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ tham gia điều tiết giảm lũ, cấp nước cho hạ du.

+ Lưu vực sông Srêpôk: Điều hòa, phân phối dòng chảy phía hạ lưu sông Srêpôk. Kiểm soát chặt chẽ việc điều tiết cấp nước cho hạ du của các hồ chứa lớn, quan trọng như Buôn Tua Srah, Krông Buk hạ, Buôn Kốp, Srêpôk 3, Srêpôk 4, Srêpôk 4A; nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ tham gia điều tiết giảm lũ, cấp nước cho hạ du.

+ Lưu vực sông Đồng Nai: Tập trung kiểm soát các hồ chứa lớn phục vụ việc chuyển nước Đơn Dương, Đại Ninh, Đồng Nai 2. Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, Đăk R'Tih, Trị An, Thác Mơ, Cần Đơn, Dầu Tiếng, Phước Hòa, Hàm Thuận, cần được nghiên cứu, bổ sung năng lực điều tiết nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, an toàn tuyệt đối và nâng cao khả năng tiếp cận nguồn nước cho các công trình khai thác nước cho nông nghiệp, sinh hoạt và các ngành sử dụng nước khác ở vùng hạ lưu sông Đồng Nai.

XI. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh công tác đối ngoại; kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; làm sâu sắc hơn các quan hệ đối ngoại, đặc biệt là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, và trong các khuôn khổ hợp tác tiểu vùng Mê Công; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Hợp tác chặt chẽ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc bảo đảm đồng bộ, toàn diện; tập trung có trọng điểm các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Đẩy mạnh và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, với đặc thù văn hóa, xã hội vùng Tây Nguyên. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế chủ động trong phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

- Tăng cường công tác nắm tình hình, phát hiện, ngăn chặn kịp thời âm mưu, ý đồ, hoạt động chống phá của các thế lực phản động. Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm đạt mục tiêu kiềm chế, kéo giảm gia tăng tội phạm. Ngăn chặn có hiệu quả vấn nạn chặt phá rừng, lấn chiếm, mua bán trái phép, vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng, vận chuyển lâm sản trái phép. Đẩy mạnh phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất

lượng, hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn Tây Nguyên.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng Công an với các ban, bộ, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương huy động và sử dụng tổng hợp lực lượng, phương tiện, biện pháp đồng bộ, hiệu quả trong phòng ngừa, đấu tranh bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội vùng Tây Nguyên.

- Hợp tác chặt chẽ với Campuchia, Lào trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan tới an ninh trật tự khu vực biên giới, công tác phân giới cắm mốc, giữ vững ổn định biên giới. Tăng cường nguồn lực đầu tư, thực hiện có hiệu quả chính sách ổn định dân cư, phát triển sản xuất tại khu vực biên giới, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục duy trì hoạt động và đầu tư, nâng cấp 02 trung tâm quốc phòng và an ninh tại Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Đại học Đà Lạt theo Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

XII. DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA VÙNG

Tập trung đầu tư vào những dự án mang tính trọng điểm, thúc đẩy liên kết vùng, mang động lực cho quá trình phát triển của vùng. Đặc biệt chú trọng những dự án có khả năng thu hút nguồn vốn xã hội hoá (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

XIII. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách đảm bảo liên kết vùng

- Đảm bảo các điều kiện để thực thi hiệu quả Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm công cụ thực hiện liên kết vùng, thông qua đảm bảo nguồn lực thực hiện các giải pháp, đảm bảo sự nhất quán giữa các quy hoạch tỉnh với quy hoạch vùng, xây dựng cơ chế tài trợ vùng chính thức cho các cơ sở hạ tầng cấp vùng, ban hành cơ chế thu hút đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước cho phát triển vùng Tây Nguyên và thiết lập hệ thống theo dõi, đánh giá thực hiện quy hoạch.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế điều phối vùng Tây Nguyên theo hướng tăng cường vai trò của các địa phương trong Hội đồng điều vùng Tây Nguyên, thu hút sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và giới nghiên cứu vào việc thực hiện các hoạt động liên kết, xây dựng, thực hiện Quy chế liên kết vùng Tây Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

- Ban hành cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp và các tổ chức, cộng đồng, người dân tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực, phát triển các cụm ngành kinh tế nông nghiệp của vùng.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, đặc biệt là khung pháp lý, liên quan đến liên kết vùng Tây Nguyên, trọng tâm là tăng cường phân cấp từ tập trung ở cấp quốc gia sang các cấp vùng và tỉnh gắn với theo dõi và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực được giao để thực hiện nhiệm vụ.

2. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

- Tăng cường thu hút đầu tư tư nhân trong nước và FDI cùng với việc nâng cao chất lượng, thông qua xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư toàn diện phù hợp với bối cảnh thực tế, nâng cao hàm lượng nội địa, gia tăng giá trị nội địa, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp địa phương.

- Tập trung ưu tiên vốn cho các dự án đầu tư liên kết vùng được xác định theo quy hoạch; thu hút vốn vay từ các tổ chức tài chính quốc tế hoặc đầu tư vốn cổ phần từ các nhà đầu tư tư nhân thông qua các hình thức đối tác công tư (PPP).

3. Giải pháp về môi trường

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành mới các quy phạm pháp luật và biện pháp thực thi các chương trình nhằm khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ môi trường.

- Xem xét việc quản lý tập trung (cấp vùng) đối với chất thải y tế và chất thải nguy hại với công nghệ xử lý tốt nhất phù hợp (BAT), khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng và xử lý chất thải hữu cơ tại nguồn với quy mô nhỏ ở những khu vực nông thôn chưa có hệ thống quản lý chất thải tập trung.

- Ứng dụng các công nghệ hiện đại trong điều tra cơ bản, quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực công nghệ trong dự báo, quan trắc, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

4. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ sinh học, cung cấp các giống cây, con, các dịch vụ kỹ thuật, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của vùng.

- Về năng lượng, nhân rộng các mô hình sử dụng khí đốt tự nhiên và năng lượng tái tạo, để từng bước giảm phát thải khí nhà kính, giảm ô nhiễm cục bộ và giảm thiểu chất thải từ các quy trình sản xuất năng lượng.

5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy khu vực kinh tế chính thức

- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng phục vụ phát triển các ngành lợi thế của vùng và bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên và con người trong vùng trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày mạnh.

- Tăng các nguồn vốn đầu tư và kinh phí cho phát triển giáo dục, đào tạo nhân lực khu vực các tỉnh Tây Nguyên. Tập trung ngân sách nhà nước cho những lĩnh vực trọng điểm ưu tiên như hỗ trợ đầu tư xây dựng và phát triển đào tạo các nghề trọng điểm đạt trình độ quốc tế và quốc gia tại một số Trường Cao đẳng nghề có đủ điều kiện; ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho Trường Đại học Tây Nguyên và Trường Đại học Đà Lạt phát triển theo hướng đa ngành. Thực hiện các chính sách giáo dục dân tộc nói chung và chính sách giáo dục dân tộc đặc thù của Tây Nguyên.

- Tăng cường và thống nhất quản lý nhà nước về đào tạo nhân lực trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên. Đẩy nhanh việc phân cấp và trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở đào tạo ở Tây Nguyên. Hình thành, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm để nhanh chóng thu thập, cập nhật, xử lý và cung cấp thông tin về thị trường lao động phục vụ kịp thời cho việc điều tiết cung - cầu lao động và đưa ra những giải pháp phát triển nguồn nhân lực phù hợp với tình hình mới.

- Phát triển toàn diện nhân lực của vùng. Tập trung hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực mà vùng có lợi thế cạnh tranh, khu vực dịch vụ xã hội và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc của vùng. Tập trung ưu tiên phát triển nguồn nhân lực dân tộc, nhất là các dân tộc tại chỗ của Tây Nguyên.

- Đẩy mạnh, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế để phát triển đào tạo nguồn nhân lực vùng Tây Nguyên. Hợp tác đào tạo nhân lực trình độ cao của các ngành nghề là lợi thế cho phát triển Tây Nguyên (nông - lâm nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, dược liệu...).

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Phát triển đô thị nhỏ gọn hơn, để bảo vệ tốt hơn phần lớn dân cư đô thị trước các tác động của biến đổi khí hậu. Tăng cường phối hợp liên tỉnh trong xây dựng các tiêu chuẩn xây dựng nhằm cải thiện tính nhất quán giữa các tỉnh.

- Kiểm soát xây dựng theo hướng thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu để nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý rủi ro thiên tai thông qua thực hiện cách tiếp cận tổng thể đa ngành tại cấp cơ sở trong quản lý xây dựng để tránh những mâu thuẫn, chồng chéo giữa các ngành trong việc thực hiện các nhiệm vụ.

- Bảo tồn, phát huy các mô hình cộng đồng định cư thích ứng với biến đổi khí hậu, thân thiện với môi trường. Đồng thời nghiên cứu phát triển mô hình nông thôn mới vùng Tây Nguyên và mở rộng phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Giảm di cư ra đô thị bằng cách tái phân bổ các nguồn lực hiệu quả và cung cấp đầy đủ dịch vụ y tế và giáo dục theo quy mô, thành phần dân cư của từng khu vực.

- Cải thiện sinh kế cho nông dân, từ đó giúp tăng thu nhập và chi tiêu nhiều hơn trong vùng, đặc biệt là ở khu vực nông thôn.

7. Giải pháp về tổ thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Việc thực hiện quy hoạch cần được thực hiện trên cơ sở các quy định phát luật về đầu tư công, quản lý tài chính công, các cơ chế, chính sách đã được thống nhất cho vùng Tây Nguyên, cho dù đó là cơ chế, chính sách cấp tỉnh, cấp bộ hay phối hợp giữa các bộ và tỉnh, có sự tham gia của khu vực tư nhân và thậm chí cả cộng đồng ở những nơi cụ thể.

- Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng và phát triển bền vững vùng Tây Nguyên. Các bộ, cơ quan liên quan và 05 tỉnh vùng Tây Nguyên tổ chức và giám sát thực hiện các chính sách phát triển và dự án đầu tư địa bàn liên quan và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên.

- Khẩn trương hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin về các hoạt động hợp tác đầu tư (định hướng đầu tư, các chương trình, dự án liên kết kêu gọi đầu tư; số liệu về đầu tư nước ngoài, đầu tư từ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong và ngoài Vùng).

- Hoàn thiện và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường, tình hình biến đổi khí hậu và các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu của Vùng và các địa phương.

XIV. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở để lập quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng Tây Nguyên.

2. Trách nhiệm của Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên

a) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều hòa, phối hợp, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án, các hoạt động liên kết vùng bảo đảm tổ chức thực hiện đồng bộ, nhất quán và hiệu quả Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Nghiên cứu, đề xuất về thể chế, cơ chế, chính sách phát triển bền vững vùng Tây Nguyên, thúc đẩy liên kết vùng, tiểu vùng; thực hiện các nhiệm vụ điều phối các hoạt động liên kết ở quy mô cấp vùng, tiểu vùng, đặc thù riêng của Vùng (từ hai địa phương trở lên) theo quy định của pháp luật do Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, huy động nguồn lực, thu hút đầu tư; điều phối; điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công để định hướng, dẫn dắt các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước, thúc đẩy đầu tư theo phương thức hợp tác công tư (PPP) trong phát triển hạ tầng chiến lược, cấp bách, quan trọng của vùng phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

3. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với nội dung của Quyết định này; cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong Vùng nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch.

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương trong Vùng đánh giá việc thực hiện quy hoạch; theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra thực hiện quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn Vùng; giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng.

đ) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế phối hợp, chính sách liên kết, điều phối giữa các địa phương trong Vùng; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư đối với các dự án trọng điểm của Vùng, tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia được quyết định hoặc phê duyệt và thực hiện điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp có mâu thuẫn

theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền.

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch; nghiên cứu, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thực hiện có hiệu quả những mục tiêu và định hướng phát triển đã đề ra trong quy hoạch.

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc triển khai và giám sát, đánh giá thực hiện quy hoạch, giám sát thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trọng điểm có quy mô, tính chất vùng theo thứ tự ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng Tây Nguyên

a) Tổ chức rà soát quy hoạch tỉnh sau khi các quy hoạch cấp quốc gia được quyết định hoặc phê duyệt và Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thực hiện điều chỉnh quy hoạch trong trường hợp có mâu thuẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch, chính sách, giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch; nghiên cứu, đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thực hiện có hiệu quả những mục tiêu và định hướng phát triển đã đề ra trong quy hoạch.

c) Phối hợp với các bộ, ngành tổ chức các hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư đảm bảo có sự phối hợp liên tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tuyên truyền, quảng bá, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước và các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch.

d) Tổ chức rà soát, đánh giá, điều chỉnh hoặc lập mới các quy hoạch, kế hoạch, các chương trình, dự án đầu tư phù hợp với Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

đ) Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn theo chức năng được phân công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng Tây Nguyên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CN (2). Hop 101

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA VÙNG TÂY NGUYÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình, dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2021 - 2030	Sau năm 2030
A	**KẾT CẤU HẠ TẦNG**		
I	**Giao thông**		
1.1	Các tuyến đường bộ cao tốc		
a	Nghiên cứu đầu tư tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02) trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên gồm các đoạn tuyến		
	Ngọc Hồi (Kon Tum) - Pleiku (Gia Lai)	x	
	Pleiku (Gia Lai) - Buôn Ma Thuật (Đắk Lắk)	x	
	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) - Gia Nghĩa (Đắk Nông)	x	
	Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	x	
b	Các tuyến đường bộ cao tốc khu vực Miền Trung - Tây Nguyên		
	Tuyến cao tốc Ngọc Hồi - Bờ Y (Kon Tum) (CT21)		x
	Tuyến đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Lệ Thanh (CT.20)* Nghiên cứu đầu tư trước năm 2030 khi có đủ điều kiện	x	
	Tuyến cao tốc Phú Yên - Đắk Lắk (CT23)		x
	Tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật (Đắk Lắk) (CT24)	x	
	Tuyến cao tốc Nha Trang (Khánh Hòa) - Liên Khương (Lâm Đồng) (CT 25)		x
	Tuyến cao tốc Liên Khương (Lâm Đồng) - Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) (CT26)		x
c	Tuyến đường bộ cao tốc khu vực phía Nam trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên		
	Tuyến cao tốc Dầu Giây (Đồng Nai) - Liên Khương (Lâm Đồng) (CT27); gồm các đoạn tuyến	x	
	Tân Phú - Bảo Lộc	x	
	Bảo Lộc - Liên Khương	x	
	Liên Khương - Prenn	x	
d	Đề xuất nghiên cứu mở mới tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum khi có đủ điều kiện	x	
1.2	Các tuyến quốc lộ		
	Nâng cấp các quốc lộ 14C, 55, 40, 19,19C, 19D, 19E, 25, 26, 27, 28, 29, Trường Sơn Đông	x	x

1.3	Các tuyến đường kết nối liên tỉnh		
	Nghiên cứu phát triển, hình thành một số tuyến đường kết nối liên tỉnh với vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung như tuyến đường kết nối khu vực Nam Tây Nguyên với Cảng tổng hợp Cà Ná (Ninh Thuận); tuyến đường nối huyện Đức Trọng (Lâm Đồng) - Ninh Sơn (Ninh Thuận); tuyến Liên Khương (Lâm Đồng) - Vĩnh Hảo (Bình Thuận) và nghiên cứu đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh kết nối nội vùng như ĐT.668 (Gia Lai) nối với ĐT.695 (Đắk Lắk), tuyến đường nối huyện Krông Nô (Đắk Nông) - huyện Krông Na (Đắk Lắk) khi có đủ điều kiện.	x	x
1.4	Cảng hàng không, sân bay		
	Xây dựng và nâng cấp cảng hàng không theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	x	x
a	Mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E	x	
b	Mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C	x	
c	Mở rộng Cảng hàng không Buôn Ma Thuột lên cấp 4C	x	
d	Nghiên cứu xây dựng sân bay tiềm năng tại Kon Tum, Đắk Nông (*) khi đủ điều kiện	x	x
1.5	Mạng lưới đường sắt		
	Xây dựng và nâng cấp đường sắt theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.		
a	Khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt	x	
b	Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Tây Nguyên)		x
1.6	Phát triển hệ thống cảng cạn theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	x	x
II	**Hạ tầng thủy lợi**		
1	Xây dựng và nâng cấp hạ tầng thủy lợi theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
2	Các dự án cấp vùng, liên tỉnh đảm bảo đồng bộ với dự án cấp quốc gia trên địa bàn	x	x
III	**Hạ tầng cấp điện, cung cấp năng lượng**		
	Xây dựng mới và nâng cấp các nhà máy điện, mạng lưới truyền tải điện (550kV, 220kV), hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.	x	x

IV	**Hạ tầng viễn thông**		
	Xây dựng và nâng cấp hạ tầng thông tin và truyền thông; hạ tầng phục vụ chuyển đổi số theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
B	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ**		
I	**CÔNG NGHIỆP**		
1	Các dự án thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản thực hiện theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
2	Dự án phát triển ngành công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp	x	x
3	Dự án năng lượng tái tạo và sản xuất năng lượng xanh (hydrogen, amoniac xanh)	x	x
II	**NÔNG NGHIỆP**		
1	Dự án xây dựng các vùng chuyên canh tiêu chuẩn (cà phê, cao su, sầu riêng, bơ, hồ tiêu, dược liệu…)	x	x
2	Dự án bảo tồn gen và xây dựng thương hiệu quốc tế Sâm Ngọc Linh	x	x
3	Dự án xây dựng thương hiệu nông sản Tây Nguyên	x	x
4	Dự án kết nối Hành lang đa dạng sinh học Tây Nguyên	x	x
5	Dự án phục hồi rừng đặc dụng khu vực phía Tây biên giới Việt Nam - Campuchia	x	x
6	Dự án phục hồi rừng đặc dụng khu vực phía Đông Tây Nguyên (giáp ranh với vùng duyên hải miền Trung)	x	x
7	Dự án cho thuê môi trường rừng phát triển cây dược liệu và lâm sản ngoài gỗ	x	x
8	Dự án phát triển chăn nuôi bền vững	x	x
III	**THƯƠNG MẠI- DỊCH VỤ**		
1	Nghiên cứu đầu tư các dự án phát triển các trung tâm logistic cấp vùng tại các tỉnh trong vùng	x	x
2	Phát triển các khu chức năng thương mại, dịch vụ tại các Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế tại vùng.	x	x
IV	**LĨNH VỰC DU LỊCH**		
1	Đầu tư phát triển hạ tầng các khu du lịch quốc gia theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
2	Đầu tư phát triển các trung tâm du lịch tại thành phố Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa, Pleiku, Kon Tum và khu vực thị trấn Măng Đen	x	x
C	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI, VĂN HÓA**		
I	**LĨNH VỰC Y TẾ, GIÁO DỤC, VĂN HÓA, THỂ THAO**		
1	Xây dựng và nâng cấp công trình y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
2	Xây dựng và nâng cấp cơ sở y tế theo Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	x	x

3	Nghiên cứu đầu tư xây dựng trung tâm thể dục, thể thao cấp vùng tại thành phố Buôn Ma Thuột	x	x
4	Nghiên cứu đầu tư xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại thành phố Đà Lạt.	x	x
II	**BẢO TỒN VĂN HÓA**		
1	Danh mục di sản văn hóa, di sản thiên nhiên, di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu thế giới được UNESCO công nhận	x	x
2	Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên	x	x
D	**LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**		
1	Xây dựng và nâng cấp mạng lưới khoa học công nghệ theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
2	Nghiên cứu đầu tư xây dựng Trung tâm công nghệ cao, đổi mới sáng tạo tại tỉnh Lâm Đồng.	x	x
3	Nghiên cứu đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm, sản xuất giống (cây trồng, vật nuôi) tại Trường Đại học Tây Nguyên và tại các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	x	x
Đ	**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**		
1	Triển khai các dự án theo quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	x	x
2	Các dự án bảo tồn các Vườn quốc gia; Khu bảo tồn, Khu dự trữ sinh quyển theo quy hoạch ngành được phê duyệt	x	x
3	Đầu tư dây chuyền công nghệ xử lý chất thải rắn cho các khu xử lý chất thải rắn chưa đáp ứng yêu cầu vệ sinh; cải tạo hoặc đóng cửa lò đốt rác có công suất nhỏ, các bãi chôn lấp chất thải quy mô cấp xã không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.	x	x

(*) Đề xuất nghiên cứu mở mới tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum khi có đủ điều kiện

Phụ lục II

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH VÙNG TÂY NGUYÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 377 /QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn	1:500.000
2	Sơ đồ phương hướng tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1:500.000
3	Sơ đồ phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1:500.000
4	Sơ đồ phương hướng phát triển mạng lưới giao thông	1:500.000
5	Sơ đồ phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng	1:500.000
6	Sơ đồ phương hướng phát triển mạng lưới thủy lợi	1:500.000
7	Sơ đồ phương hướng phát triển mạng lưới cấp nước; khu xử lý chất thải và công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng khác	1:500.000
8	Sơ đồ phương hướng sử dụng tài nguyên	1:500.000
9	Sơ đồ phương hướng bảo vệ môi trường	1:500.000
10	Sơ đồ phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu	1:500.000